

**BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ 6 ĐỢT KHẢO SÁT GIAI ĐOẠN 2008-2012**  
**CÁC MÔN CƠ SỞ NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH**  
**TRONG CHƯƠNG TRÌNH CỬ NHÂN NGỮ VĂN ANH CHÍNH QUY VĂN BẰNG 1**  
**CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHXH&NV, ĐHQG-HCM**

## **I. Tổng quan**

Để ghi nhận những thành tựu cũng như những điểm cần cải tiến trong công tác thu thập thông tin của sinh viên Khoa Ngữ văn Anh (viết tắt là SV) phản hồi cho các môn học được chọn khảo sát trong 6 đợt của 4 năm học, từ 2008-2009 đến 2011-2012, theo kế hoạch Đảm bảo chất lượng hàng năm của Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM, Phòng KT&ĐBCL đã tiến hành phân tích các số liệu của mỗi đợt khảo sát được tích hợp thành số liệu chung của cả giai đoạn. Chương trình giáo dục Cử nhân Ngữ văn Anh chính quy văn bằng 1 (viết tắt là CTGD chính quy VB<sub>1</sub> NVA) bao gồm 96 môn học được chia thành 2 loại:

- Các môn đại cương<sup>1</sup> và môn tiếng Việt tự chọn thuộc khối kiến thức chung ngành chính<sup>2</sup> do Phòng Đào tạo và các đơn vị trực thuộc trường quản lý, gồm 26 môn;
- Các môn cơ sở ngành và chuyên ngành do Khoa Ngữ văn Anh quản lý, gồm 70 môn.

Đã khảo sát tính đến thời điểm hiện tại là 82/96 môn học (chiếm 85.4%) trong CTGD chính quy VB<sub>1</sub> NVA<sup>3</sup>. Báo cáo tổng hợp kết quả 6 đợt khảo sát giai đoạn 2008-2012 của Khoa Ngữ văn Anh chỉ tập trung phân tích dữ liệu từ **56/70 môn cơ sở ngành và chuyên ngành** đã được khảo sát<sup>4</sup>.

## **II. Phân tích kết quả khảo sát 56/70 môn cơ sở ngành và chuyên ngành của Khoa Ngữ văn Anh**

Tuy trong cùng một giai đoạn nhưng mỗi đợt khảo sát có một số đặc điểm riêng; được tích hợp để phân tích trong báo cáo này là số liệu phản ánh 13 nội dung quan trọng<sup>5</sup> có trong hầu hết các mẫu phiếu khảo sát đã được áp dụng trong giai đoạn này<sup>6</sup>. Các nội dung này được trình bày thành 3 đề mục: (1) thông tin chung, (2) nhận xét của người học về môn học và giảng viên phụ trách môn học (viết tắt là GV), và (3) cảm nhận chung của sinh viên về chất lượng tổ chức giảng dạy. Dưới đây là phần phân tích nội dung của từng đề mục và tỷ lệ phần trăm được quy đổi cho mỗi đợt khảo sát, thể hiện trong *Bảng 1*:

---

<sup>1</sup>Mục 1 trong *Phụ lục 1*

<sup>2</sup>Mục 2.2 trong *Phụ lục 1*

<sup>3</sup>Xem *Phụ lục 1*.

<sup>4</sup>Xem *Phụ lục 2*.

<sup>5</sup>Xem *Phụ lục 4*.

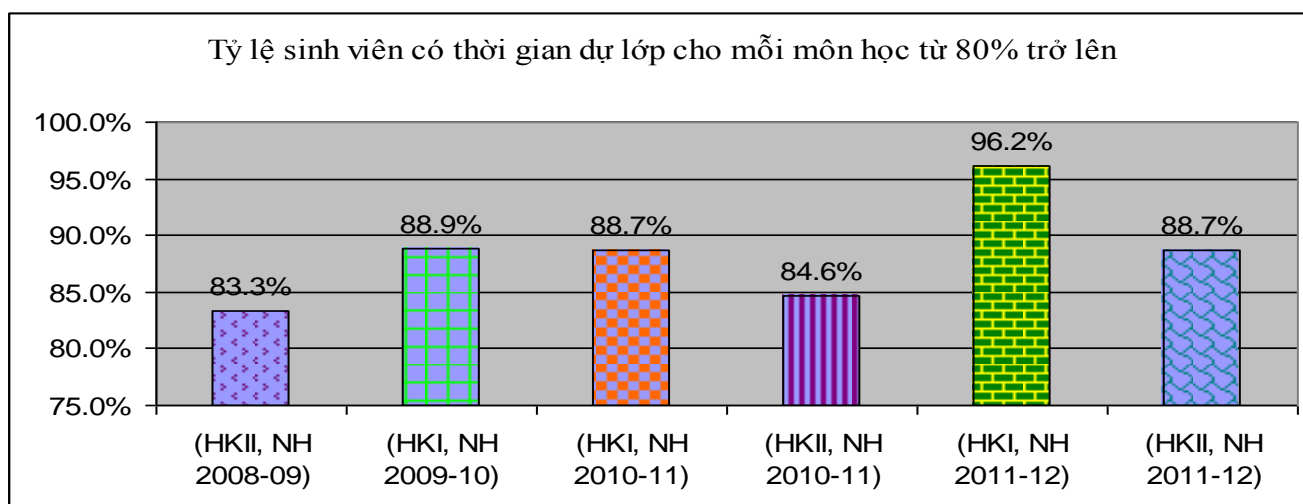
<sup>6</sup>Mẫu phiếu khảo sát của học kỳ II, năm học 2011-2012 không có số liệu phản ánh 2 nội dung là “thời gian tự học” và “đánh giá/cảm nhận chung của SV về chất lượng tổ chức-giảng dạy môn học.”

2008-09 (HKII)	2009-10 (HKI)	2010-11 (HKI)	2010-11 (HKII)	2011-12 (HKI)	2011-12 (HKII)
655 phiếu=100%	830 phiếu =100%	1271 phiếu=100%	283 phiếu =100%	210 phiếu = 100%	1222 phiếu = 100%

**Bảng 1: Số lượng phiếu khảo sát hợp lệ trong từng đợt khảo sát**

## 1. Thông tin chung

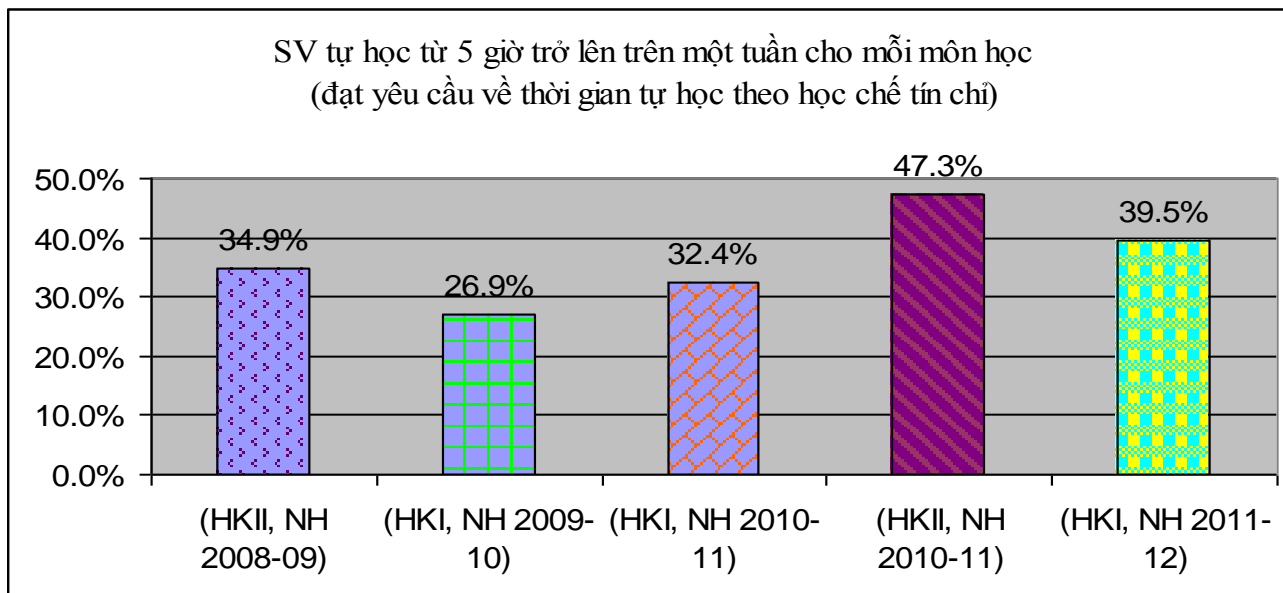
Về thời gian dự lớp, kết quả cả 6 đợt khảo sát cho thấy tỷ lệ SV có thời gian dự lớp đạt từ 80% trở lên có xu hướng tăng dần đến mức gần như tuyệt đối: dao động từ 83.3% đến 96.2% SV. Tuy nhiên, vẫn cần có biện pháp để duy trì thành quả trên và tác động tích cực đến số SV chưa có giờ đến lớp đạt yêu cầu, dao động từ 16.7% đến 3.8%.



**Biểu đồ 1: Tỷ lệ sinh viên có thời gian dự lớp cho mỗi môn học đạt từ 80% trở lên**

Về thời gian tự học, theo quy định chung “để tiếp thu được 1 tiết học lý thuyết kéo dài 45 phút trên lớp, SV nhất thiết phải cần từ 2 đến 3 tiết chuẩn bị tự học, tự nghiên cứu ở nhà<sup>7</sup>.” Do Phòng Đào tạo và Khoa Ngữ Văn Anh thường phân bố 5 tiết/tuần cho mỗi môn học nên SV phải có ít nhất 5 giờ/tuần để tự học cho mỗi môn học. Kết quả khảo sát cho thấy dao động khoảng 1/3 đến non một nửa SV có thời gian tự học đạt yêu cầu tối thiểu. Việc so sánh đối chiếu số liệu của 3 đợt khảo sát ở giữa cho thấy tỷ lệ SV có thời gian tự học từ 5 giờ/tuần trở lên tăng dần từ 26.9% của học kỳ I năm học 2009-2010 đến 47.3% của học kỳ II năm học 2010-2011. Tuy nhiên, số liệu của 2 đợt khảo sát gần đây nhất lại cho thấy xu hướng giảm nhẹ (gần 8%) ở nội dung này. Đây là chỗ Khoa Ngữ văn Anh cần lưu ý để có tác động cải thiện nhanh trong những năm học tới.

<sup>7</sup>Điều 3, Quy chế học vụ theo hệ tín chỉ, Trường Đại Học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM



**Biểu đồ 2: Thời gian tự học của sinh viên dành cho mỗi môn học**

Kết quả khảo sát cho thấy tuy dự lớp đều nhưng SV không dành đủ thời gian cho việc tự học. Để nâng cao giờ tự học của sinh viên, trước hết cần khẳng định rằng “vai trò tổ chức, điều khiển của GV có tác động quyết định đối với việc triển khai thành công các hoạt động tự học của sinh viên<sup>8</sup>.” Đứng ở góc độ quản lý, nhà trường đề nghị GV (1) thực hiện các biện pháp khả thi để giúp SV tự học tốt hơn và (2) áp dụng nhiều hoạt động trong quá trình giảng dạy, góp phần nâng cao chất lượng đầu ra cho SV<sup>9</sup>.

## 2. Nhận xét của người học

### 2.1. Về môn học

Là một trong những kênh tham khảo, số liệu được tích hợp từ 6 đợt khảo sát các môn cơ sở ngành và chuyên ngành góp phần hỗ trợ Khoa Ngữ văn Anh trong việc nhìn nhận lại chương trình học thông qua lăng kính của SV.

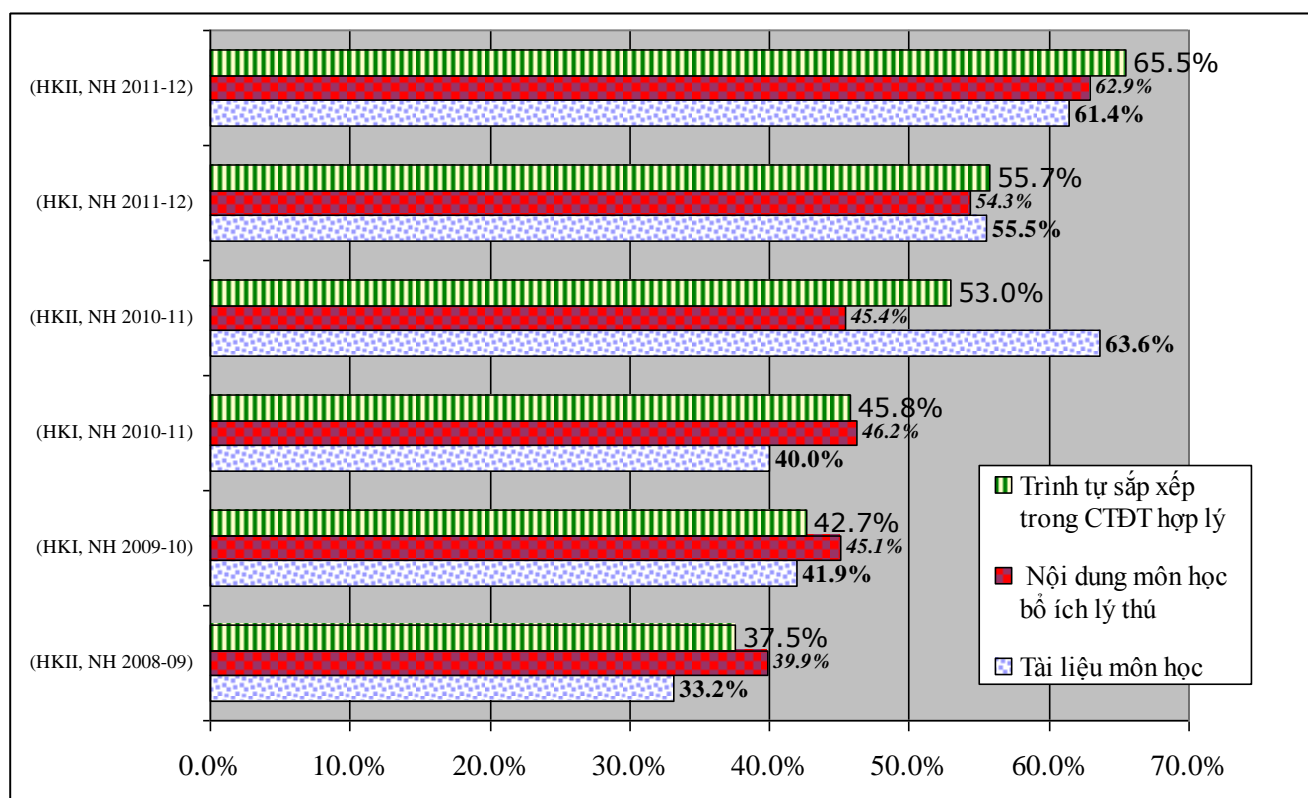
Về tính hợp lý của trình tự các môn học trong chương trình có từ 37.5% đến 65.5% SV chọn từ mức đồng ý trở lên cho cả 6 đợt khảo sát. Tuy tỷ lệ SV chọn từ mức đồng ý trở lên tăng dần theo từng đợt khảo sát nhưng ở học kỳ II năm học 2011-2012 – thời điểm tốt nhất và cũng là đợt khảo sát gần đây nhất – vẫn còn khoảng 1/3 số SV tham gia góp ý chưa đồng thuận với trình tự của các môn học trong chương trình. Đây là chỗ cần được soát xét để có những điều chỉnh nhất định.

Về nội dung của môn học, có khoảng 50% SV chọn từ mức đồng ý trở lên cho “nội dung môn học bổ ích, lý thú.” Việc so sánh đối chiếu số liệu của 6 đợt khảo sát cho thấy xu hướng tăng

<sup>8</sup> và <sup>9</sup>Tô Minh Thanh (2011). *Việc tự học của sinh viên khối ngành ngoại ngữ Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn trong hệ đào tạo tín chỉ: thực trạng và giải pháp*. Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ, ISSN 1859-0128, X2/2011, tập 14, trang 83-100.

chậm (từ thấp nhất là 39.9% đến cao nhất là 62.9%) ở nội dung này; đây vẫn là chỗ đáng được ghi nhận, phản ánh nỗ lực lớn của Khoa Ngữ văn Anh trong việc tích cực cải tiến nội dung của các môn học trong chương trình học. Tuy nhiên, bên cạnh việc ưu tiên cải thiện những môn học SV đánh giá chưa cao mà Phòng KT&ĐBCL đã tích hợp trong báo cáo kết quả của mỗi đợt khảo sát, Khoa cần tiến hành một đợt tổng rà soát để có những điều chỉnh cần thiết.

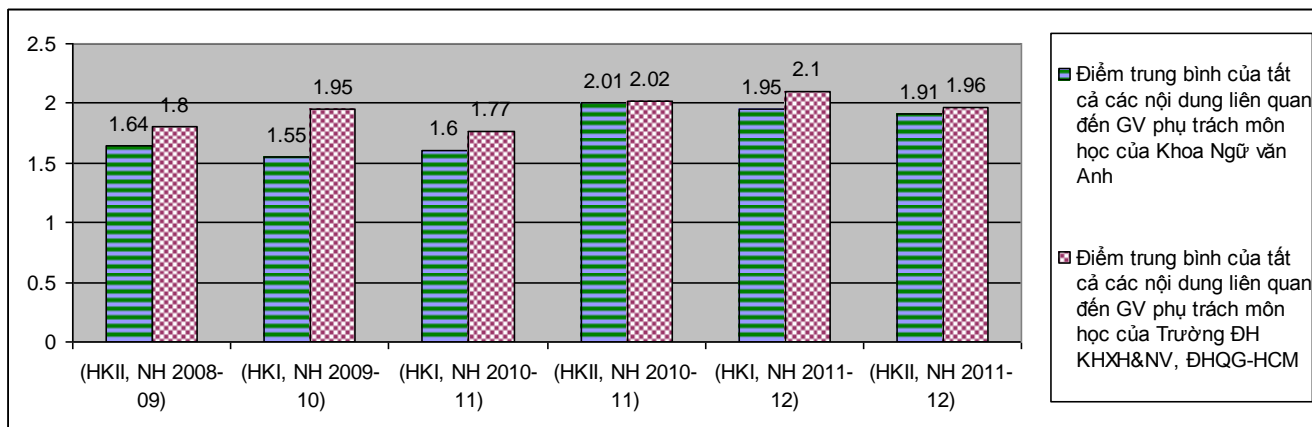
Về tài liệu của môn học, dao động từ 33.2% đến 61.4% SV chọn từ mức đồng ý trở lên cho “tài liệu môn học được biên soạn rõ ràng, dễ hiểu.” Việc so sánh đối chiếu số liệu của 4 đợt khảo sát đầu phản ánh xu hướng tăng nhanh (từ thấp nhất là 33.2% đến cao nhất là 63.6%) ở nội dung này; tuy nhiên, số liệu của 3 đợt khảo sát gần đây nhất cho thấy xu hướng giảm nhẹ từ 63.6% xuống 54.3% rồi tăng nhẹ trở lại – lên 61.4%. Đây là chỗ Khoa Ngữ văn Anh cần lưu ý để có tác động cải thiện kịp thời ngay từ năm học tới.



**Biểu đồ 3: Nhận xét của sinh viên về trình tự các môn học, nội dung môn học và tài liệu của môn học**

## 2.2. Về giảng viên phụ trách môn học

Trong thang điểm giảm dần từ ① đến ⑤ với ① = *tốt/hoàn toàn đồng ý* và ⑤ = *không tốt/hoàn toàn không đồng ý*, **điểm trung bình** của tất cả các nội dung liên quan đến GV của Khoa Ngữ Văn Anh trong 6 đợt khảo sát là **1.79 điểm**. So với **điểm trung bình chung** của GV Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM trong 6 đợt khảo sát là **1.93 điểm** thì kết quả trên về “GV phụ trách môn học” là khá tốt.



**Biểu đồ 4: Điểm trung bình của giảng viên Khoa Ngữ Văn Anh so với điểm trung bình chung của giảng viên Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM (qua kết quả khảo sát môn học)**

Có GV được SV nhận xét tốt ở tất cả các câu hỏi; có GV chỉ nhận được sự đồng thuận cao từ SV ở một số câu hỏi; một số GV được nhận xét tốt ở môn học này nhưng không tốt ở môn khác. Việc so sánh đối chiếu số liệu của 6 đợt khảo sát cho thấy những thay đổi theo chiều hướng giảm trong 3 đợt khảo sát cuối SV chọn từ mức đồng ý trở lên cho tất cả các nội dung liên quan đến GV phụ trách môn học thấp hơn 12.2% so với 3 đợt khảo sát đầu. Tuy nhiên, số liệu của 3 đợt khảo sát gần đây nhất phản ánh xu hướng tăng nhẹ: từ 69.1% của học kỳ II năm học 2010-2011 lên 73.0% của học kỳ I năm học 2011-2012 và lên 74.3% của học kỳ II năm học 2011-2012, được thể hiện trong *Bảng 2* dưới đây:

	2008-09 (HKII)	2009-10 (HKI)	2010-11 (HKI)	2010-11 (HKII)	2011-12 (HKI)	2011-12 (HKII)
Có Phương pháp giảng dạy tốt	81.7%	83.5%	82.5%	55.0%	61.8%	71.9%
Sử dụng phương tiện hỗ trợ việc giảng dạy tốt	73.8%	78.5%	79.4%	64.6%	56.4%	70.6%
Lên lớp đúng giờ	88.2%	87.2%	87.8%	77.4%	83.6%	83.3%
Sử dụng thời gian hiệu quả, đảm bảo tiến độ giảng dạy	88.2%	87.2%	87.8%	77.4%	84.2%	83.3%
Kiểm tra và đánh giá công bằng	81.2%	91.1%	86.8%	65.8%	82.4%	74.5%
Quy định rõ tài liệu cần đọc	89.5%	91.8%	89.6%	74.6%	84.9%	71.4%
Cung cấp thông tin về khả năng vận dụng thực tiễn của môn học	73.6%	81.4%	80.6%	không khảo sát	56.4%	65.4%
<b>Tổng cộng</b>	<b>82.3%</b>	<b>85.8%</b>	<b>84.9%</b>	<b>69.1%</b>	<b>73.0%</b>	<b>74.3%</b>

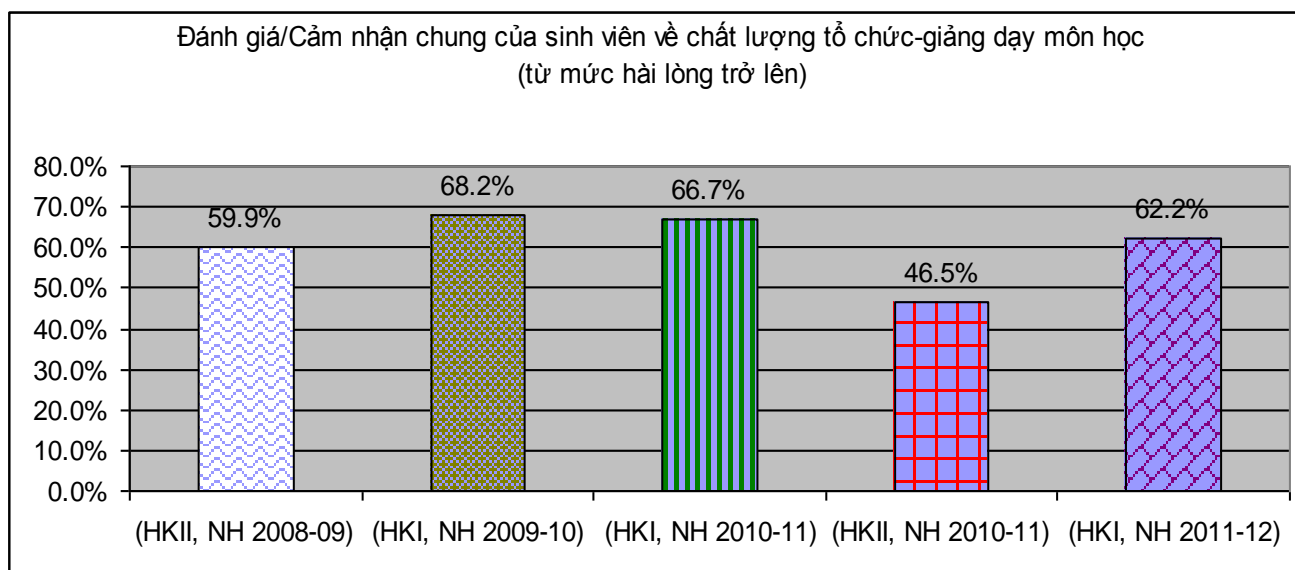
**Bảng 2: Nhận xét của sinh viên về giảng viên phụ trách môn học (từ mức đồng ý trở lên)**

Tuy có hơn 2/3 SV chọn từ mức đồng ý trở lên khi phản hồi về GV của Khoa Ngữ văn Anh nhưng vẫn cần có những đề xuất thiết thực từ chính GV hướng đến các cải tiến có liên quan đến nội dung này.

### 3. Đánh giá/Cảm nhận chung của sinh viên về chất lượng tổ chức-giảng dạy môn học

Học kỳ II năm học 2010-2011 là đợt khảo sát duy nhất có ít hơn một nửa SV chọn 2 mức hài lòng và rất hài lòng khi nhận xét về chất lượng tổ chức-giảng dạy các môn cơ sở ngành và

chuyên ngành của CTGD chính quy VB<sub>1</sub> NVA. Tính chung trong các đợt khảo sát, việc có khoảng trên một nửa SV chọn 2 mức *hài lòng* và *rất hài lòng* cho thấy vẫn cần có những cải tiến đồng bộ trong thời gian tới để tích cực tác động đến khoảng non một nửa SV còn lại, những người đã chọn mức *tạm hài lòng* hoặc mức *không hài lòng*.



**Biểu đồ 5: Đánh giá /Cảm nhận chung của sinh viên về chất lượng tổ chức-giảng dạy môn học**

### III. Kết luận

Việc tích hợp số liệu của 6 đợt khảo sát để có cái nhìn toàn diện về công tác lấy ý kiến phản hồi của SV cho các môn cơ sở ngành và chuyên ngành trong CTGD chính quy VB<sub>1</sub> NVA phần nào phản ánh chất lượng của việc tổ chức dạy và học tại khoa chủ quản. Cũng từ kết quả này, một số điểm cần cải tiến có liên quan đến môn học và GV phụ trách môn học đã được nhận diện. Nhà trường mong muốn toàn thể GV của Khoa Ngữ văn Anh có những cải tiến kịp thời, cùng với nhà trường tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động hỗ trợ dạy và học, từng bước thực hiện các cam kết về đảm bảo chất lượng giáo dục của Khoa Ngữ văn Anh nói riêng và của nhà trường nói chung, đáp ứng những yêu cầu ngày càng cao của xã hội Việt Nam đương đại.

Dù Phòng KT&ĐBCL đã cố gắng thực hiện chủ trương khảo sát khoảng 30% môn học thực triển khai trong mỗi học kỳ/năm học, thực tế cho thấy **phải mất 4 năm học liên tục mới khảo sát được 82/96 môn học (chiếm 85.4%) trong CTGD chính quy VB<sub>1</sub> NVA giai đoạn 2008-2012**. Tiến độ này là chưa đạt yêu cầu theo quan điểm của nhiều chuyên gia đánh giá ngoài, ở trong cũng như ngoài nước. Việc rà soát và chỉnh sửa 2 năm/lần<sup>10</sup> các CTGD hiện áp dụng tại trường nhiều khả năng kéo theo sự thay đổi về tên gọi, nội dung, số lượng tín chỉ và mã học phần của môn học như đã được phản ánh qua các điều chỉnh về tên gọi và mã học phần của các môn cơ

<sup>10</sup>Công văn 381/XHNV-ĐT do Hiệu Trưởng ký ngày 4/8/2011

sở ngành và chuyên ngành trong CTGD chính quy VB<sub>1</sub> NVA<sup>11</sup>. Điều này gây không ít khó khăn cho việc tổng hợp và so sánh đối chiếu các môn học đã khảo sát với khung chương trình đã công bố. Vì vậy, Phòng KT&ĐBCL kiến nghị:

➤ Về phía Khoa Ngữ văn Anh:

- Thông báo cho Phòng KT&ĐBCL ngay sau mỗi đợt rà soát và chỉnh sửa CTGD mọi thông tin liên quan đến việc điều chỉnh CTGD như danh mục các môn học mới được bổ sung, danh mục các môn học được thay đổi tên và mã học phần so với chương trình cũ, danh mục các môn học đã bị loại khỏi CTGD hiện hành,...;
- Hợp nhất hai loại mã học phần dành cho các môn cơ sở ngành và chuyên ngành được áp dụng chung cho cả CTGD cử nhân tài năng lẫn CTGD đại trà.
- Kịp thời thông báo cho Phòng KT&ĐBCL thời khóa biểu của học kỳ hè để Phòng có kế hoạch khảo sát bổ sung, nếu cần.

➤ Về phía Nhà trường:

- Cho phép Phòng KT&ĐBCL **tăng kinh phí để đảm bảo khảo sát 50% môn học thực tiễn khai trong mỗi học kỳ để sau 2 năm học** kịp khảo sát hầu như tất cả các môn học có trong khung chương trình và **sẵn sàng quay vòng tiếp theo**, bắt kịp tiến độ của việc rà soát và chỉnh sửa các chương trình giáo dục theo chu kỳ 2 năm/lần tại trường;
- Ưu tiên xây dựng công nghệ thông tin đủ mạnh để tiến hành khảo sát người học qua mạng nhằm thu thập ý kiến phản hồi cho 100% môn học của mỗi học kỳ, tránh những hệ lụy của việc phát và thu phiếu khảo sát theo kiểu “paper and pencil” như hiện nay.